

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ Tướng Chính phủ; Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Ban Chỉ đạo và Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thành phố Hồ Chí Minh.

Thành ủy thành phố đã ban hành Chỉ thị số 21-CT/TU về lãnh đạo thực hiện thắng lợi Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND về công tác tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp tập trung triển khai tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ mục đích của cuộc Tổng điều tra là thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phục vụ công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm và 10 năm tới, hướng đến Mục tiêu phát triển bền vững của thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Tổng điều tra năm 2019 tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thu thập thông tin bằng hình thức 100% thiết bị điện tử di động (CAPI – Computer assisted personal interviews) và điều tra qua Internet (Webform). Bên cạnh đó, tất cả các hoạt động từ chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát và xử lý dữ liệu đều được tối giản hóa các khâu thông qua Trang Web điều hành tác nghiệp. Vì vậy, chất lượng thông tin được nâng cao và thời điểm công bố số liệu sớm hơn một năm so với các kỳ Tổng điều tra trước, điều này đã đáp ứng nhu cầu thông tin một cách kịp thời, nhanh chóng cho lãnh đạo, chính quyền các cấp của thành phố, các đơn vị, tổ chức kinh tế - xã hội và người dùng tin.

## **Kết quả sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019**

### **1. Dân số**

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố có quy mô dân số và hộ lớn nhất cả nước, theo kết quả sơ bộ từ dữ liệu Tổng điều tra, thành phố có 2.558.914 hộ với 8.993.082 nhân khẩu hiện đang sinh sống và làm việc trên địa bàn, nhân khẩu bình quân hộ là 3,51 người.

<b>Dân số và số hộ qua các kỳ Tổng điều tra</b>					
	<b>1/10/1979</b>	<b>1/4/1989</b>	<b>1/4/1999</b>	<b>1/4/2009</b>	<b>1/4/2019</b>
<b>Tổng số nhân khẩu (người)</b>	3.419.978	3.988.124	5.037.155	7.162.864	8.993.082
<b>Tổng số hộ (hộ)</b>	603.383	732.325	1.016.741	1.824.822	2.558.914
<b>Số người bình quân hộ (người/hộ)</b>	5,67	5,45	4,95	3,93	3,51

#### **1.1. Quy mô hộ, dân số**

##### **1.1.1. Quy mô hộ**

Số hộ của thành phố tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 là 2.558.914 hộ, chiếm 9,52% cả nước. Chia ra: số hộ thành thị là 2.026.763 hộ, chiếm 79,20%; số hộ nông thôn là 532.151 hộ, chiếm 20,80%. So sánh giữa hai kỳ Tổng điều tra cho

thấy sau 10 năm số hộ của thành phố tăng 734.092 hộ chiếm gần 1/2 số hộ tăng của cả vùng Đông Nam Bộ và chiếm gần 1/6 số hộ tăng của cả nước. Tỷ trọng hộ của thành phố trong cả nước tăng từ 8,13% lên 9,52% và trong vùng Đông Nam Bộ tăng từ 16,46% lên 19,32%.

Tốc độ tăng hộ của thành phố giai đoạn 2009 - 2019 là 40,23%, bình quân mỗi năm tăng 3,38%, thấp hơn 2,47 điểm phần trăm so với bình quân giai đoạn 1999 - 2009. Qua các kỳ Tổng điều tra thì tốc độ tăng hộ ở tất cả các giai đoạn đều tăng và giai đoạn sau tăng cao hơn giai đoạn trước, riêng giai đoạn 2009-2019 thì vẫn tăng nhưng tăng chậm hơn giai đoạn 1999-2009.

Số người bình quân hộ năm 2019 là 3,51 người. Cơ cấu hộ từ 1-3 người qua các kỳ Tổng điều tra có xu hướng tăng và năm 2019 chiếm tỷ trọng cao nhất với 53,90%, ngược lại quy mô hộ từ 7 người trở lên năm 2019 chỉ chiếm tỷ trọng 5,38%. Số nhân khẩu trung bình một hộ ở khu vực thành thị là 3,52 người, ở nông thôn là 3,51 người; sự khác biệt là giữa thành thị và nông thôn là không đáng kể, tỷ trọng hộ từ 1-3 người ở thành thị cao hơn nông thôn và ngược lại tỷ trọng hộ từ 4 người trở lên thì thấp hơn.

#### 1.1.2. Quy mô dân số

Dân số thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 8.993.082 người, chia ra: dân số nam là 4.381.242 người (chiếm 48,7%); dân số nữ là 4.611.840 người (chiếm 51,3%). Dân số thành thị là 7.125.497 người (chiếm 79,23%); dân số nông thôn là 1.867.585 người (chiếm 20,77%). Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất cả nước chiếm tỷ trọng 9,35% dân số cả nước và 50,44% dân số vùng Đông Nam Bộ.

<b>Dân số thành phố Hồ Chí Minh</b>					
<b>theo giới tính và khu vực qua các kỳ Tổng điều tra</b>					
	<i>Đơn vị tính: Người</i>				
	<b>1/10/1979</b>	<b>1/4/1989</b>	<b>1/4/1999</b>	<b>1/4/2009</b>	<b>1/4/2019</b>
<b>Tổng số</b>	<b>3.419.978</b>	<b>3.988.124</b>	<b>5.037.155</b>	<b>7.162.864</b>	<b>8.993.082</b>
<b>Phân theo giới tính</b>					
Nam	1.622.072	1.890.343	2.424.415	3.435.734	4.381.242
Nữ	1.797.906	2.097.781	2.612.740	3.727.130	4.611.840
<b>Phân theo khu vực</b>					
Thành thị	2.700.849	2.946.426	4.204.662	5.968.384	7.125.497
Nông thôn	719.129	1.041.698	832.493	1.194.480	1.867.585

Trong các giai đoạn trước thì thành thị luôn được “lợi” về dân số do việc di cư từ khu vực nông thôn ra thành thị, ngoài ra nhập cư từ các tỉnh khác đến thành phố cũng chủ yếu chọn khu vực thành thị thay vì nông thôn. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2009-2019, tỷ lệ dân số khu vực nông thôn lại tăng nhanh từ 16,68% năm 2009 lên 20,77% năm 2019 và tốc độ tăng dân số bình quân năm khu vực nông thôn là 4,47%/năm so với khu vực thành thị là 1,77%/năm. Điều này cho thấy tốc độ đô thị hóa ở khu vực nông thôn đang diễn ra mạnh mẽ, đây cũng là xu thế tất yếu của các thành phố lớn, do quỹ đất ở khu vực thành thị không còn nhiều nên các dự án sản xuất kinh doanh và nhà ở đều có xu hướng dời ra vùng ven, vùng nông thôn.

Thành phố Hồ Chí Minh luôn là địa phương tiếp nhận người di cư nhiều nhất cả nước do mức độ tập trung cao của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, sự phát triển kinh tế mạnh mẽ kéo theo nhu cầu lớn về lao động mà lực lượng lao động địa phương không đáp ứng được. Sau 10 năm, quy mô dân số của thành phố tăng thêm 1,8 triệu người; tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố là 2,28%/năm, bình quân một năm thành phố tăng khoảng 183 ngàn người, gần bằng dân số của một quận quy mô nhỏ ở thành phố; tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố giảm 1,24 điểm phần trăm, nhưng tốc độ bình quân chung cao hơn của cả nước (1,14%/năm) và cao thứ 2 trong vùng Đông Nam Bộ, chỉ sau Bình Dương (4,93%/năm).

### **1.2. Phân bố dân số theo quận, huyện**

Phân bố dân số là một khía cạnh quan trọng của phát triển, kết quả điều tra cho thấy dân số phân bố không đồng đều và có sự khác biệt khá rõ theo khu vực. Quận Bình Tân hiện nay dẫn đầu về số dân với 784.173 người, tiếp theo là huyện Bình Chánh với 705.508 người, thứ ba là quận Gò Vấp với 676.899 người và thấp nhất là huyện Cần Giờ với 71.526 người.

So sánh tốc độ tăng dân bình quân năm thì thành phố là một trong những tỉnh/thành phố có tỷ lệ tăng dân số cao, gấp 2 lần so với cả nước. Tốc độ tăng dân bình quân năm khu vực thành thị giai đoạn 1989-2009 tăng nhanh và cao hơn khu vực nông thôn nhưng đến giai đoạn 2009-2019 thì tốc độ tăng thấp hơn khu vực nông thôn. Tốc độ tăng dân số cao đều thuộc về các huyện, dẫn đầu là huyện Nhà Bè với 7,16%/năm, sau đó là huyện Bình Chánh với 5,18%/năm, thứ ba là huyện Hóc Môn với 4,40%/năm.

Mặc dù vậy dân số ở các quận nội thành lại có xu hướng giảm so với năm 1999 và 2009 như: quận 01, quận 3, quận 4, quận 5, quận 6, quận 11, quận Phú Nhuận. Nguyên nhân giảm là do việc di dời dân nhằm thực hiện các chính sách nâng cấp đô thị; do nhu cầu thuê nhà làm văn phòng, cửa hàng ở các quận trung tâm; do giá nhà ở các quận này tăng cao nên người dân có xu hướng chuyển ra các quận vùng ven, các huyện nơi có giá nhà đất rẻ hơn để sinh sống. Dân số có xu hướng giảm nhưng các quận này vẫn có mật độ dân số lớn nhất thành phố, trên 30.000 người/km<sup>2</sup> (trừ quận 1).

Mật độ dân số thành phố là 4.292 người/km<sup>2</sup>, tăng 25,55% so với mật độ dân số thành phố năm 2009 (3.418 người/km<sup>2</sup>) và cũng là thành phố có mật độ dân số cao nhất cả nước (mật độ dân số của Hà Nội là 2.398 người/km<sup>2</sup>). Mật độ dân số của quận 4 cao nhất thành phố là 41.945 người/km<sup>2</sup> và mật độ dân số huyện Cần Giờ thấp nhất là 102 người/km<sup>2</sup>.

### **1.3. Dân số chia theo dân tộc**

Dân tộc Kinh chiếm đa số và có xu hướng tăng dần qua các thời kỳ, năm 1979 chiếm 85,17%, năm 1989 chiếm 88,83%, năm 1999 chiếm 91,18%, năm 2009 chiếm 93,53% và năm 2019 chiếm 94,77%. Hầu hết các dân tộc khác đều có tỷ trọng tăng so với năm 2009, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng tăng cơ học.

## **2. Tỷ số giới tính**

Tỷ số giới tính của dân số được tính bằng dân số nam trên 100 dân số nữ. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỷ số giới tính là 95,0 nam/100

nữ. Trong đó, tỷ số giới tính khu vực thành thị là 93,8 nam/100 nữ, khu vực nông thôn là 99,7 nam/100 nữ. Qua các thời kỳ, tỷ số giới tính của thành phố luôn thấp nhất cả nước.

### **3. Tình trạng hôn nhân của dân số từ 15 tuổi trở lên**

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên đã từng kết hôn của thành phố là 65,7%. Trong đó, dân số đang có vợ/chồng của thành phố chiếm 59,3%, chưa có vợ/chồng chiếm 34,3%, góa/ly hôn/ly thân chiếm 6,4%. Bên cạnh đó, có sự khác biệt rõ về mức độ kết hôn giữa thành thị và nông thôn, khu vực thành thị có vợ/chồng là 57,3% thấp hơn khu vực nông thôn là 67,0%; Tỷ lệ chưa từng kết hôn ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 10,7 điểm phần trăm, với tỷ trọng tương ứng là 36,5% và 25,8%. Điều này có thể thấy xu hướng về đời sống kinh tế độc lập, không phụ thuộc và ngày càng rõ đối với khu vực thành thị.

### **4. Giáo dục**

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra 2019, thành phố Hồ Chí Minh có 92,9% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học. Tuy nhiên, hiện vẫn còn 7,1% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đi học, nguyên nhân chủ yếu là các trẻ bị thiếu năng, gặp vấn đề về sức khỏe và một bộ phận nhỏ các em thôi học vì không theo được.

#### **4.1. Tỷ lệ đi học chung**

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019, tỷ lệ đi học chung của bậc tiểu học là 101,2%, bậc THCS là 95,4%, bậc THPT là 78,0% và sau THPT là 67,0%. Ở cấp Tiểu học, không có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn về tỷ lệ đi học chung (101,3% so với 101,0%). Cấp học càng cao thì khoảng cách chênh lệch về tỷ lệ đi học chung giữa thành thị và nông thôn càng lớn. Cụ thể: ở cấp THCS, tỷ lệ đi học chung ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn là 4,2 điểm phần trăm; mức chênh lệch này ở cấp THPT là 14,5 điểm phần trăm và cấp sau THPT là 32,2 điểm phần trăm.

Sự gia tăng dân số kéo theo sự gia tăng nhu cầu về học hành của người dân ngày càng tăng, thành phố không chỉ chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo mà còn tăng về cơ sở vật chất, đây là một nỗ lực lớn của thành phố. Số trường học trong khu vực thành thị gia tăng nhanh đáp ứng tương đối đủ nhu cầu của người dân, không chỉ hệ thống công lập mà cả hệ thống ngoài công lập. Đối với khu vực nông thôn mặc dù số trường học cũng đang gia tăng nhưng các điểm trường còn xa hoặc không bao phủ nhiều như nội thành nên tỷ lệ đi học chung (bao gồm đối tượng đúng tuổi và ngoài độ tuổi) khu vực thành thị luôn cao hơn nông thôn ở tất cả các bậc học phổ thông.

#### **4.2. Tình hình biết chữ**

Một trong những chỉ tiêu cơ bản để đánh giá về chất lượng dân cư sinh sống trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung là tỷ lệ biết đọc biết viết (biết chữ) của người dân sống trên lãnh thổ đó và cũng là một trong những số đo chung phản ánh đầu ra của giáo dục, nó được định nghĩa là số phần trăm những người biết chữ của một độ tuổi nhất định trong tổng dân số của độ tuổi đó.

Kết quả của cuộc Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỷ lệ biết đọc, biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên là 99,0%. So với 20 năm trước (năm 1999), tỷ lệ

này đã tăng lên 4,7 điểm phần trăm (từ 94,3% lên 99,0%).

## **5. Kết quả sơ bộ về nhà ở**

Cách phân loại nhà ở trong hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và năm 2019 là xác định chất lượng nhà ở của hộ theo một trong bốn loại: nhà kiên cố, nhà bán kiên cố, nhà khung gỗ lâu bền và nhà đơn sơ. Năm 2019 cách xác định mái nhà có khác so với năm 2009, nhưng căn cứ để xác định chất lượng nhà trong hai cuộc tổng điều tra lại tương đối giống nhau nên việc so sánh, đánh giá sự thay đổi loại nhà qua hai cuộc tổng điều tra vẫn đảm bảo tính đồng nhất.

### **5.1. Hộ có nhà ở, hộ không có nhà ở**

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, tỷ lệ hộ có nhà ở của thành phố là 99,8%; Trong đó, khu vực thành thị xấp xỉ 100% hộ có nhà ở; khu vực nông thôn đạt 99,3% số hộ có nhà ở.

Trong 10 năm qua, điều kiện về nhà ở của các hộ dân cư đã được cải thiện, đặc biệt ở khu vực thành thị. Đa số các hộ dân cư tại thành phố hiện đang sống trong các nhà kiên cố và bán kiên cố (99,3%), trong đó khu vực thành thị là 99,4%, khu vực nông thôn là 98,9%. Chỉ một bộ phận nhỏ các hộ dân cư hiện đang sống trong nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ (0,7%), trong đó tỷ lệ hộ có nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ tại thành thị là 0,6%, thấp hơn 0,5 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn (1,1%). Tỷ lệ hộ có nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ của thành phố thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ bình quân chung của cả nước (6,9%).

Trong 10 năm qua, tỷ lệ hộ sống trong nhà ở kiên cố và bán kiên cố tăng mạnh từ 97,1% năm 2009, lên 99,3% năm 2019. Điều này cho thấy, sự nỗ lực của chính quyền thành phố trong việc giải quyết nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp dân cư, phát triển nhà ở bám sát tình hình thực tế của thành phố, chuyển đổi mô hình nhà ở thấp tầng sang nhà ở cao tầng... các chính sách phát triển nhà ở đã được thực hiện tốt và có hiệu quả trong thời gian qua, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân.

### **5.2. Diện tích nhà ở của hộ dân cư**

Chiến lược phát triển nhà ở thành phố đã đặt ra mục tiêu “đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố là 19,8 m<sup>2</sup>/người”. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2019 của thành phố là 19,4 m<sup>2</sup>/người. Trong đó, diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực thành thị và khu vực nông thôn chênh lệch không quá lớn, tương ứng là 19,1 m<sup>2</sup>/người và 20,4 m<sup>2</sup>/người.

So với năm 2009, diện tích bình quân trên đầu người ở hai khu vực thành thị nông thôn cũng tăng: khu vực thành thị tăng từ 16,5 m<sup>2</sup>/người lên 19,1 m<sup>2</sup>/người và khu vực nông thôn tăng từ 19,3 m<sup>2</sup>/người lên 20,4 m<sup>2</sup>/người. Mặc dù điều kiện nhà ở của người dân đã cải thiện trong những năm qua, thể hiện qua diện tích ở bình quân đầu người có xu hướng tăng và gần sát mục tiêu đề ra của thành phố, tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận hộ dân cư đang sống trong các ngôi nhà có diện tích chật hẹp dưới 6m<sup>2</sup>/người, khoảng 188.815 hộ dân cư (tương ứng với khoảng 663 ngàn người).

## **IV. KẾT LUẬN**

Tổng điều tra năm 2019 được thực hiện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong tất cả

các công đoạn của Tổng điều tra, từ việc thu thập thông tin, kiểm sửa logic, tổng hợp dữ liệu. Chất lượng thông tin được nâng cao thông qua các ứng dụng được thiết lập như định vị GPS cho các hộ được điều tra, giám sát thời gian thu nhập, đồng thời, tránh tình trạng bỏ sót câu hỏi như phiếu giấy, các lỗi logic được phát hiện và xác minh thông tin ngay tại hộ,... Dữ liệu thu thập được lưu giữ và đồng bộ lên hệ thống mạng máy tính, nhanh chóng truyền tải đến cơ sở dữ liệu chung. Chính vì thế, thời gian tổng hợp và công bố dữ liệu được rút ngắn hơn 1 năm (so với năm 2009), kịp thời phục vụ cho việc đánh giá và hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từ kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019 có thể phác họa lên bức tranh toàn cảnh về tình hình dân số và nhà ở của thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng dân số của Thành phố vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 8.993.082 người, trong đó dân số nam là 4.381.242 người (chiếm 48,7%) và dân số nữ là 4.611.840 người (chiếm 51,3%). Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất chiếm tỷ trọng 9,35% dân số cả nước và 50,44% dân số vùng Đông Nam Bộ. Dân số thành thị là 7.125.497 người (chiếm 79,23%); dân số nông thôn là 1.867.585 người (chiếm 20,77%). Kể từ năm 2009 đến nay, tốc độ tăng dân số bình quân năm khu vực nông thôn là 4,47%/năm so với khu vực thành thị là 1,77%/năm cho thấy tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ đặc biệt là khu vực nông thôn.

Quy mô hộ giảm, thể hiện xu hướng tất yếu của đời sống hiện đại, đây là một trong những điều kiện thuận lợi để hộ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Quy mô hộ gia đình của thành phố biến từ 2-4 người (chiếm 66,40%).

Phân bố dân số không đồng đều, tập trung tại các quận trung tâm có mật độ dân số rất cao, đa số các quận đều ở trên mức độ mất an ninh về mật độ dân số (theo khuyến nghị của quốc tế, mức mất an toàn là trên 8.000 người/km<sup>2</sup>). Thành phố cũng đã có nhiều chương trình nhằm giãn dân, tránh tập trung ở các khu đông dân trước đây; so sánh qua các kỳ tổng điều tra thì dân số đang có xu hướng giảm ở các quận trung tâm và quận nội thành; tăng nhiều ở các quận ven, quận mới và tăng cao ở các huyện.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ đầy đủ 54 dân tộc sinh sống và làm việc, đông nhất là dân tộc Kinh 8.523.173 người (chiếm 94,8%) và các dân tộc khác là 469.909 người (chiếm 5,2%).

Tỷ số giới tính là 95,0 nam/100 nữ, trong đó khu vực thành thị là 93,8 nam/100 nữ, khu vực nông thôn là 99,7 nam/100 nữ. Tỷ số giới tính của thành phố tăng liên tục trong những năm qua nhưng luôn thấp hơn 100 và thấp nhất so với các vùng và cả nước.

Tỷ trọng dân số từ 15 tuổi trở lên đã từng kết hôn là 65,7%. Tỷ trọng dân số từ 15 tuổi trở lên chưa từng kết hôn ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 10,7 điểm phần trăm, tương ứng là 36,5% và 25,8%.

Trình độ dân trí ngày càng được cải thiện, thành phố Hồ Chí Minh hiện có 92,9% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học và tỷ lệ biết đọc biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên là 99,0%. Khoảng cách chênh lệch giữa nam và nữ về tỷ lệ biết chữ được thu hẹp đáng kể sau 20 năm và gần như là không còn sự bất bình đẳng về giới trong lĩnh vực giáo dục.

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy nỗ lực và hiệu quả của các chính sách trong thời gian qua đã được thực hiện tốt. Thành quả này có được là nhờ các chủ trương, đường lối, chính sách và sự lãnh đạo đúng đắn của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố trong nhiều năm qua, nhờ sự tin tưởng và những nỗ lực không ngừng của mỗi người dân thành phố. Kết quả này sẽ là một bộ dữ liệu quan trọng và không thể thiếu trong việc xây dựng và hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong việc đánh giá lại các kế hoạch nhiệm kỳ qua và chuẩn bị các văn kiện, kế hoạch cho nhiệm kỳ Đại hội Đảng các cấp giai đoạn 2020-2025 của thành phố và các nhiệm kỳ tiếp theo.

